

THÔNG BÁO

Về đề cương ôn tập thi vòng 2 các môn chuyên môn, nghiệp vụ Kỳ thi tuyển dụng viên chức giáo viên các đơn vị sự nghiệp giáo dục tỉnh Quảng Ngãi năm 2019

Thực hiện Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch tổ chức thi tuyển dụng giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm 2019, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi thông báo đề cương ôn tập các môn thi vòng 2 cho thí sinh của ngành học, bậc học; cụ thể như sau:

- 1. Mầm non:** kiến thức chuyên ngành viên chức giảng dạy mầm non.
- 2. Tiểu học:** kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của tiểu học gồm giáo viên: cơ bản, Tiếng Anh, Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học và Tổng phụ trách đội.
- 3. THCS:** kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THCS các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, GD CD, Thể dục, Công nghệ (Công-Nông), Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tổng phụ trách đội.
- 4. THPT:** kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THPT các môn: Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Tiếng Anh, GD CD, Tin học, GDQP-AN.

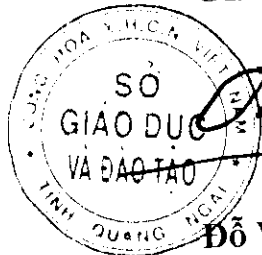
Đề cương và giới hạn nội dung ôn tập của các môn thi được đăng tải kèm theo Thông báo này trên địa chỉ: <http://tuyendung.quangngai.edu.vn>. Tài liệu tham khảo thí sinh có thể tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc trên google.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo để thí sinh được biết./.

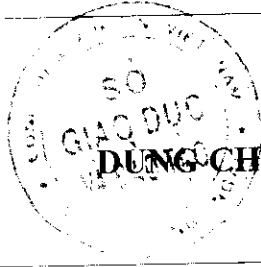
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT của Sở GDĐT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Phú



TÀI LIỆU ÔN THI
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH
DÙNG CHO TUYỂN VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY MẦM NON
TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2019

27/10/2019

Phần 1. THIẾT KẾ BÀI GIẢNG (soạn giáo án)

I. Mục đích, yêu cầu của việc soạn giáo án

Giờ dạy – học trên lớp hiện nay được xác định là thành công chỉ khi nào giờ học đó phát huy được tính năng động, chủ động, tích cực của người học. Người học phải được hoạt động. Giờ học không nhồi nhét kiến thức. Muốn vậy, giáo viên (GV) phải xây dựng chiến lược dạy học, con đường tất yếu phải là thiết kế hoạt động của thầy và trò trên lớp. Các hoạt động phải được tính toán kỹ, sự hoạch định, trù liệu của GV càng chu đáo bao nhiêu thì khả năng thành công của giờ dạy càng cao bấy nhiêu. Như vậy, mục đích của việc soạn giáo án là nhằm nâng cao chất lượng giờ dạy – học trên lớp; thực hiện tốt mục tiêu bài học.

Một giáo án tốt phải thể hiện được các yêu cầu:

- Thể hiện được đầy đủ nội dung bài học và giúp đảm bảo trật tự khoa học của thông tin, đưa ra kỹ năng học tập được sử dụng trong giờ và các phương tiện hỗ trợ cần thiết theo yêu cầu. Việc cung cấp thông tin theo một trật tự khoa học sẽ giúp trẻ hiểu và nhớ những thông tin đó một cách khoa học;

- Giúp giáo viên quản lý thời gian dành cho mỗi đơn vị bài học được tốt hơn;

- Vạch ra rõ ràng đơn vị bài học cần được chú trọng – phân trọng tâm mà trẻ bắt buộc phải biết – từ đó cô sẽ dễ dàng hơn trong việc điều chỉnh khung thời gian, tăng giảm nội dung giảng dạy để phòng các trường hợp chấy giáo án, thừa thời gian...;

- Lựa chọn được phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với nội dung, tính chất của bài học và đối tượng học;

- Chú trọng kết hợp học với hành, nâng cao tri thức với rèn luyện các kỹ năng, gắn với thực tiễn cuộc sống.

II. Cấu trúc giáo án

Tên chủ đề:.....

Tên hoạt động:.....

Ngày soạn:.....Lớp:

A. Mục tiêu:

1. Kiến thức (KT)
2. Kỹ năng (KN)
3. Thái độ (TĐ)

B. Chuẩn bị:

Handwritten signature

C. Tiến hành hoạt động học tập:

Hoạt động 1:

Hoạt động 2:

Hoạt động 3:

Hoạt động n:

D. Rút kinh nghiệm (đánh giá tổ chức hoạt động học)

Ghi những nhận xét của GV sau khi dạy xong

III. Cấu trúc của một giáo án được thể hiện ở các nội dung

- Mục tiêu bài học:

+ Nêu rõ yêu cầu trẻ cần đạt về KT, KN, thái độ;

+ Các mục tiêu được biểu đạt bằng động từ cụ thể, có thể lượng hoá được.

- Chuẩn bị về phương pháp và phương tiện dạy học:

+ GV chuẩn bị các thiết bị dạy học (tranh ảnh, mô hình, hiện vật, hoá chất...), các phương tiện dạy học (máy chiếu, TV, đầu video, máy tính, máy projector...) và tài liệu dạy học cần thiết;

+ Hướng dẫn trẻ chuẩn bị bài học.

- Tổ chức các hoạt động dạy học: Trình bày rõ cách thức triển khai các hoạt động dạy- học cụ thể. Với mỗi hoạt động cần chỉ rõ:

+ Tên hoạt động;

+ Mục tiêu của hoạt động;

+ Cách tiến hành hoạt động;

+ Thời lượng để thực hiện hoạt động;

+ Kết luận của GV về: những KT, KN, thái độ trẻ cần có sau hoạt động; những tình huống thực tiễn có thể vận dụng KT, KN, thái độ đã học để giải quyết; những sai sót thường gặp; những hậu quả có thể xảy ra nếu không có cách giải quyết phù hợp;...

Lưu ý: Tích hợp được các lĩnh vực giáo dục một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, phù hợp nội dung hoạt động và độ tuổi; Giáo dục thái độ, tình cảm cho trẻ đầy đủ, phù hợp.

- Hướng dẫn các hoạt động tiếp nối: xác định những việc trẻ cần phải tiếp tục thực hiện sau giờ học để củng cố, khắc sâu, mở rộng bài cũ hoặc để chuẩn bị cho việc học bài mới.

IV. Các bước thực hiện giờ dạy học (triển khai giáo án khi lên lớp).

Một giờ dạy học nên được thực hiện theo các bước cơ bản sau:

a. Ổn định tổ chức: Giáo viên khơi gợi hứng thú và lôi cuốn sự chú ý của trẻ vào nhiệm vụ học tập

b. Tổ chức dạy và học bài mới

- GV giới thiệu bài mới: nêu nhiệm vụ học tập và cách thức thực hiện để đạt được mục tiêu bài học; tạo động cơ học tập cho trẻ.

Lưu ý

- Giáo viên tổ chức, hướng dẫn trẻ suy nghĩ, tìm hiểu, khám phá và lĩnh hội, trải nghiệm nội dung bài học, nhằm đạt được mục tiêu bài học với sự vận dụng PPDH phù hợp.

- Giáo viên hướng dẫn trẻ luyện tập khắc sâu những KT, KN, thái độ đã có thông qua hoạt động thực hành luyện tập có tính tổng hợp, nâng cao theo những hình thức khác nhau.

** Lưu ý: Để tổ chức dạy và học bài mới đạt hiệu quả cao giáo viên cần:*

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi, lời chỉ dẫn, đồ dùng... để trẻ quan sát, làm thử, giải quyết tình huống... trong đó chứa kiến thức, kỹ năng mới của bài học.

- Câu hỏi đưa ra nhằm dẫn dắt, gợi ý, để trẻ tìm ra câu trả lời. (tại sao? Như thế nào? Vì sao? Làm như thế nào?)

- Dành thời gian cho trẻ trải nghiệm, suy nghĩ, khuyến khích sự sáng tạo, cách giải quyết khác, lựa chọn...

- Khuyến khích trẻ tự kiểm tra lẫn nhau, phát hiện ra đúng sai, trao đổi giúp đỡ. Câu trả lời của trẻ đúng hay sai không quan trọng bằng việc biết được trẻ suy nghĩ tìm câu trả lời bằng cách nào.

- Chú ý những trẻ nhút nhát, có khó khăn trong học tập, giao tiếp... đưa ra câu dễ hơn, bài tập dễ hơn, yêu cầu đơn giản hơn, tạo cho trẻ có cảm giác thành công, giúp trẻ mạnh dạn và tự tin.

- Tạo tối đa cơ hội để trẻ trình bày suy nghĩ, phát hiện của mình sau khi được trải nghiệm; trẻ lắng nghe ý kiến của bạn.

- GV hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ và định hướng các ý kiến của trẻ đi vào tiến trình nhằm đạt mục đích, yêu cầu đề ra. Không làm hộ, làm thay cho trẻ.

c. Kết thúc hoạt động:

- Hoạt động này nhằm củng cố kiến thức, kỹ năng vừa tiếp thu, trải nghiệm của trẻ thông qua việc sử dụng trò chơi, đặt câu hỏi, nhận định... có tính chất tổng kết các nội dung cốt lõi của hoạt động.

- Trẻ có cơ hội củng cố kiến thức, kỹ năng vừa trải nghiệm trong một tình huống khác.

** Lưu ý:* Trên đây là các bước cơ bản thực hiện hoạt động học (đối với trẻ mẫu giáo), hoạt động chơi - tập có chủ định (đối với trẻ nhà trẻ), khi tổ chức hoạt động cho từng độ tuổi, từng môn học của từng lĩnh vực có tính đặc thù khác nhau, giáo viên cần vận dụng phương pháp phù hợp.

Phần 2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC

I. Một số vấn đề chung của phương pháp dạy học tích cực

Tính tích cực học tập là gì?

Tính tích cực học tập - về thực chất là tính tích cực nhận thức, đặc trưng ở **khát vọng hiểu biết, cố gắng trí lực** và có **nhị lực cao** trong quá trình chiếm lĩnh tri thức.

Tính tích cực nhận thức do đâu mà có?

Tính tích cực nhận thức liên quan trước hết với động cơ học tập.

- Động cơ đúng tạo ra hứng thú.

- Hứng thú là tiền đề của tự giác.

Hứng thú và tự giác là hai yếu tố tạo nên tính tích cực.

Tính tích cực nhận thức có tác dụng như thế nào?

- Tính tích cực nhận thức sản sinh nếp tư duy độc lập.

- Suy nghĩ độc lập là mầm mống của sáng tạo.

- Ngược lại, phong cách học tập tích cực độc lập sáng tạo sẽ phát triển tự giác, hứng thú, bồi dưỡng động cơ học tập.

Những dấu hiệu nào biểu hiện tính tích cực nhận thức?

Tính tích cực nhận thức thể hiện ở những dấu hiệu:

- Hăng hái trả lời các câu hỏi của giáo viên.

- Bổ sung các câu trả lời của bạn.

- Thích phát biểu ý kiến của mình trước vấn đề nêu ra;

- Hay nêu thắc mắc, đòi hỏi giải thích cặn kẽ những vấn đề chưa đủ rõ;

- Chủ động vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nhận thức vấn đề mới;

- Tập trung chú ý vào vấn đề đang học;

- Kiên trì hoàn thành các bài tập, không nản trước những tình huống khó khăn...

Các cấp độ thể hiện tính tích cực nhận thức?

- Bắt chước: gắng sức làm theo mẫu hành động của GV, của bạn...

- Tìm tòi: độc lập giải quyết vấn đề, tìm cách giải quyết khác nhau về một vấn đề...

- Sáng tạo: tìm ra cách giải quyết mới, độc đáo, hữu hiệu.

Tính tích cực học tập trong giáo dục mầm non được hiểu như thế nào?

- Học tích cực trong GDMN được hiểu là trẻ được tích cực hoạt động với các đồ vật, đồ chơi cùng môi liên hệ với thực tế và con người... trong môi trường gần gũi xung quanh để hình thành nên những hiểu biết của bản thân.

- Học tích cực trong GDMN gồm có 5 thành phần:

+ Các vật liệu được sử dụng theo nhiều cách

+ Trẻ tìm hiểu, thao tác, kết hợp, làm biến đổi các vật liệu một cách tự do

+ Trẻ tự lựa chọn những gì trẻ muốn làm (sự lựa chọn)

- + Trẻ mô tả những gì trẻ đang làm bằng chính ngôn ngữ của trẻ (ngôn ngữ)
- + Người lớn khuyến khích trẻ nêu vấn đề, giải quyết các tình huống.
- Những biểu hiện tích cực của trẻ mầm non:
 - + Trực tiếp hành động trên đồ dùng, đồ chơi.
 - + Tự lực giải quyết vấn đề hay tình huống đến cùng.
 - + Tích cực tư duy (tham gia suy luận, suy đoán, phỏng đoán, kết luận vấn đề...).
 - + Trẻ thích hoạt động tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm bằng sự phối hợp các giác quan: nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm (nếu có thể) đối tượng nhận thức.
 - + Sẵn sàng hợp tác với các bạn trong nhóm, lớp.
 - + Trẻ hay nêu câu hỏi thắc mắc với cô và bạn như: Ở đâu? Tại sao? Để làm gì? Làm như thế nào?... và ra sao được cô giáo giải thích cặn kẽ.
 - + Trẻ thích mô tả, kể lại, trình bày những suy nghĩ, hiểu biết của mình bằng nhiều cách khác nhau: lời nói, hành động, tranh vẽ, kí hiệu...
 - + Trẻ chủ động, độc lập thực hiện các nhiệm vụ được cô giáo giao hoặc tự chọn.
 - + Trẻ tập trung chú ý và kiên trì trong quá trình hoạt động, giải quyết các tình huống của cô giáo đặt ra hoặc tự trẻ chọn nêu được sự cho phép của cô giáo.

II. Phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực là một thuật ngữ để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

"Tích cực" trong PPDH - tích cực được dùng với nghĩa là hoạt động, chủ động, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực.

PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy. Để dạy học theo phương pháp tích cực thì GV phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Vì vậy, PPDH tích cực không làm giảm sút vai trò của GV trong quá trình dạy học.

1. Bản chất của phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non

- Lấy trẻ làm trung tâm; chuyển trọng tâm từ hoạt động dạy của giáo viên sang hoạt động tìm tòi, khám phá, trải nghiệm của trẻ.
- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ và của giáo viên.
- Phát huy tính năng động, khả năng thích ứng với môi trường; tạo cơ hội phát triển các kỹ năng giao tiếp của trẻ.
- Kế thừa có phát triển kỹ năng và phương pháp dạy học truyền thống và ứng dụng các phương pháp dạy học hiện đại.
- Giáo viên cùng với trẻ khởi xướng các hoạt động, trẻ được khuyến khích tham gia tích cực vào quá trình giáo dục.
- Trẻ học chính qua chơi, khám phá, tìm hiểu, trải nghiệm với sự tham gia

Handwritten signature

của các giác quan.

- Trẻ được chọn góc chơi, thảo luận với bạn, được vẽ, nặn, xây dựng hoặc cắt, dán làm ra sản phẩm do chúng sáng tạo chứ không phải do giáo viên làm hộ.

- Trẻ học từ trải nghiệm thực tế và gắn với cuộc sống thực. Do đó trẻ hiểu bản chất của sự vật hiện tượng và biết cách áp dụng những hiểu biết mang tính tích hợp vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong cuộc sống.

- Giáo viên đóng vai trò "trung gian", tổ chức môi trường tạo điều kiện cho trẻ hoạt động nhằm phát huy hứng thú, nhu cầu, kinh nghiệm và mặt mạnh của mỗi trẻ.

- Giáo viên xác định chủ đề, lên kế hoạch lồng ghép các hoạt động cho trẻ tự trải nghiệm, tìm hiểu, khám phá, nhận thức phù hợp với trình độ phát triển của mỗi trẻ.

2. Ý nghĩa của phương pháp dạy học tích cực trong giáo dục mầm non

- Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

- Giúp trẻ phát triển cách học của mình, đặc biệt là cách tự học, tự tìm tòi, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ.

- Phát huy được tinh thần hợp tác, tương trợ và tôn trọng lẫn nhau trong nhóm bạn bè của trẻ.

- Kích thích động cơ bên trong của trẻ, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú cho trẻ.

- Tạo cơ hội cho trẻ được hoạt động, được phát triển các kỹ năng và vận dụng những hiểu biết của trẻ vào thực tiễn. Đồng thời giúp trẻ hòa nhập, thích ứng với cuộc sống.

- Phát triển những phẩm chất cá nhân như tính kiên trì, lòng nhẫn nại, ý thức tập thể.

3. Điều kiện và phương tiện hỗ trợ áp dụng PPDH tích cực

+ Các điều kiện:

- GV phải được đào tạo chu đáo để thích ứng với những nhiệm vụ đa dạng, phức tạp của mình trong quá trình CS – GD trẻ, đồng thời, phải có trách nhiệm, nhiệt tình, tận tụy với công việc. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV phải rộng và sâu, có kỹ năng ứng xử linh hoạt với các tình huống sư phạm và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục trẻ.

- Trẻ được tạo điều kiện để dần dần thích ứng với phương pháp tích cực như: tự giác, độc lập suy nghĩ, có trách nhiệm hoàn thành những nhiệm vụ vui chơi – học tập của mình, biết cách và có thói quen tự học mọi nơi, mọi lúc.

- Chương trình, tài liệu hướng dẫn phải tạo điều kiện cho cô và trẻ tổ chức các hoạt động tích cực, chủ động sáng tạo

- Bổ sung trang thiết bị hoạt động vui chơi – học tập cho GV và trẻ để GV và trẻ độc lập hoạt động cá nhân hoặc theo hoạt động theo nhóm.

- Thay đổi cách đánh giá trẻ và GV để phát huy trí thông minh, sáng tạo của trẻ; khuyến khích trẻ vận dụng những hiểu biết của trẻ vào thực tế; bộc lộ những cảm xúc, thái độ của trẻ về bản thân, bạn bè, gia đình, cộng đồng.

+ Sử dụng hợp lý các đồ dùng trực quan như là phương tiện hỗ trợ có hiệu quả cho GV khi sử dụng phương pháp dạy học tích cực

- Tận dụng phương tiện sẵn có trong môi trường tự nhiên – xã hội ở địa phương như cây, con, hoa quả... ở vườn cây, bồn hoa, công viên, bể cá, trại chăn nuôi, các công trình văn hóa... gắn lớp học nhưng phải đảm bảo yêu cầu về nhận thức, an toàn, thẩm mỹ...

- Phải có những đồ dùng tự tạo như tranh ảnh, mô hình, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu... Có thể làm đồ dùng bằng nhiều cách khác nhau, bằng nhiều loại chất liệu khác nhau, phong phú về thể loại, đẹp về hình thức... Khuyến khích sử dụng lại các sản phẩm do trẻ làm ra trong hoạt động này để phục vụ cho việc giảng dạy học tập trong các hoạt động khác. Không nên cho trẻ sử dụng nhiều các đồ dùng do GV làm mà nên tạo điều kiện cho trẻ cùng tham gia làm. Đây chính là thể hiện của đổi mới trong việc sử dụng đồ dùng đồ chơi như thế nào cho hiệu quả.

VD: Khi cho trẻ làm quen với chủ đề giao thông, đầu tuần, GV cho trẻ thảo luận những kinh nghiệm của trẻ về các phương tiện giao thông đường bộ, đường hàng không, đường thủy. Tiếp theo GV cùng hướng dẫn trẻ cùng gấp tàu, thuyền; cho trẻ vẽ tranh về biển rồi dán các con thuyền lên tranh; trẻ gấp ô tô hoặc cắt ô tô trên các tạp chí, sách tranh; sau đó, dán tranh về giao thông ở thành thị hoặc ở nông thôn. Những ngày tiếp đó, trẻ tiếp tục khám phá nội dung của chủ đề phương tiện giao thông trên các tranh GV và trẻ cùng làm ra. Điều này sẽ làm cho trẻ hứng thú học hỏi.

Trong quá trình làm ra sản phẩm, trẻ không chỉ phát triển kiến thức về giao thông mà cả kỹ năng về các mặt như: vận động, ngôn ngữ, toán, tạo hình...

- Đồ dùng tự nhiên và đồ dùng tự tạo rất phong phú. GV cần lựa chọn đồ dùng phù hợp với nội dung, yêu cầu và khả năng nhận thức của trẻ. Các đồ dùng có thể bổ sung cho nhau để giúp phát huy được tính sáng tạo của trẻ

- GV cần sử dụng đồ dùng trực quan đúng lúc, đúng cách để tạo cho trẻ hứng thú nhận thức, tập trung vào đối tượng nhận thức, thu hút trẻ hoạt động tích cực. Khi cho trẻ tri giác đối tượng qua đồ dùng trực quan, GV cần chú ý đến đặc điểm mang tính tổng thể, các phần chính, phần phụ của đối tượng được quan sát.

- Trong quá trình hướng dẫn nếu có sử dụng đồ dùng trực quan, GV cần huy động tối đa các giác quan của trẻ nhằm giúp trẻ nhận thức đối tượng 1 cách phong phú, chính xác, thu hút trẻ đi sâu tìm tòi, khám phá đối tượng và tính tích cực của trẻ sẽ được phát huy cao.

- Khi trình bày đồ dùng trực quan, GV phải làm mẫu và giải thích ngắn gọn, hợp lý; kết hợp với hệ thống câu hỏi với lời chỉ dẫn có định hướng cụ thể.

- Khi sử dụng đồ dùng trực quan, GV cần xuất phát từ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp của chủ đề hoặc đối tượng cho trẻ làm quen để lựa chọn đồ dùng cho hợp lý. GV cần sử dụng đồ dùng trực quan với số lượng vừa đủ, tránh quá nhiều, gây rối loạn, hoặc làm phân tán sự chú ý của trẻ vào đối tượng quan sát.

- Trong quá trình hướng dẫn 1 chủ đề, GV cần tránh sử dụng đồ dùng trực quan quá lâu. Khi đã sử dụng đồ dùng trực quan 1 thời gian hợp lý, GV cần chuyển sang các hình thức khác. Bước chuyển đó cần có vật trung gian thay thế mô hình, sơ đồ, kí hiệu.

4. Một số phương pháp dạy học tích cực

4.1. Phương pháp động não

a. Khái niệm

Động não là phương pháp giúp cho trẻ trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó.

b. Cách tiến hành

Có thể tiến hành theo các bước sau:

- Giáo viên (GV) nêu câu hỏi hoặc vấn đề (có nhiều cách trả lời) cần được tìm hiểu trước cả lớp hoặc trước nhóm.

- Khích lệ trẻ phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

- Liệt kê tất cả mọi ý kiến lên bảng hoặc giấy to không loại trừ một ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

- Phân loại các ý kiến.

- Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng.

- Tổng hợp ý kiến của trẻ, hỏi xem có thắc mắc hay bổ sung gì không.

c. Những yêu cầu sư phạm

- Phương pháp động não có thể dùng để lý giải bất kỳ một vấn đề nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong cuộc sống thực tế của trẻ.

- Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn bằng một từ hay một câu thật ngắn.

- Tất cả mọi ý kiến đều cần được GV hoan nghênh, chấp nhận mà không nên phê phán, nhận định đúng, sai ngay.

- Cuối giờ thảo luận GV nên nhấn mạnh kết luận này là kết quả của sự tham gia chung của tất cả trẻ.

- Động não không phải là một phương pháp hoàn chỉnh mà chỉ là sự khởi đầu. Một khi danh sách các câu trả lời đã được hoàn thành, cần phải cho cả lớp dùng danh sách này để xác định xem câu trả lời nào là sai.

- Nhờ không khí thảo luận cởi mở nên trẻ đặc biệt là những em nhút nhát, trở nên bạo dạn hơn; trẻ học được cách trình bày ý kiến của mình biết lắng nghe có phê phán ý kiến của bạn; từ đó, giúp trẻ dễ hoà nhập vào cộng đồng nhóm, tạo cho các em sự tự tin, hứng thú trong học tập và sinh hoạt.

4.2. Phương pháp hoạt động nhóm nhỏ

a. Khái niệm: Phương pháp dạy học theo nhóm là gì?

- Học tập nhóm là một phương pháp học tập mà trong nhóm trẻ có thể trao đổi, giúp đỡ và hợp tác với nhau trong học tập

- Dạy học theo nhóm được hiểu là cách dạy học, trong đó giáo viên chia trẻ thành các nhóm nhỏ, cùng nhau giải quyết các vấn đề mà giáo viên đặt ra, từ đó giúp trẻ tiếp thu được một kiến thức nhất định nào đó. Nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy của trẻ. Qua đó phát triển nhân cách cho trẻ.

b. Bản chất của phương pháp dạy hoạt động nhóm

- Làm việc theo nhóm có thể tập trung những mặt mạnh của từng trẻ và bổ sung, hoàn thiện cho nhau những điểm yếu.

- Dạy học theo nhóm đòi hỏi giáo viên phải chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch dạy học, lựa chọn những nội dung thực sự phù hợp với hoạt động nhóm và thiết kế được các hoạt động giúp trẻ lĩnh hội, khám phá kiến thức mới một cách tốt nhất.

- Là hình thức thực hiện tốt việc dạy học phát huy tính tích cực của trẻ.

- Với hình thức này, trẻ được hấp dẫn, lôi cuốn vào các hoạt động học, tiếp thu kiến thức bằng chính khả năng của mình với sự giúp đỡ, hướng dẫn của GV.

- Phương pháp dạy học theo nhóm được sử dụng nhằm khai thác vốn kiến thức mà trẻ đã tích lũy, những hiểu biết thực tế trong đời sống hoặc vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

c. Ưu nhược điểm của phương pháp dạy hoạt động nhóm

❖ Ưu điểm:

- Hoạt động hợp tác trong nhóm sẽ làm cho từng trẻ quen dần với sự phân công hợp tác trong lao động xã hội, hiệu quả hoạt động sẽ tăng lên nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gây cản, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành công việc.

- Trong hoạt động hợp tác, mục tiêu hoạt động là của toàn nhóm, nhưng mỗi cá nhân được phân công một nhiệm vụ cụ thể, phối hợp nhau để đạt mục tiêu chung: Mô hình hợp tác trong xã hội đưa vào đời sống học đường có tác dụng chuẩn bị cho trẻ thích ứng với đời sống xã hội trong đó mỗi người sống và làm việc theo sự phân công hợp tác với tập thể cộng đồng.

- Tất cả các trẻ trong nhóm đều có cơ hội tham gia chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của mình với cả nhóm. Trong quá trình quan sát các nhóm làm việc giáo viên có thể thay đổi cấu trúc của nhóm để tạo cơ hội cho các trẻ có dịp trao đổi nhiều người với nhau. Xây dựng ý thức làm việc theo nhóm.

❖ Nhược điểm:

- Dạy học theo nhóm có thể gây ồn trong lớp khó kiểm soát, vì vậy giáo viên cần chú ý giáo dục và rèn luyện kỹ năng hoạt động hợp tác trong nhóm cho trẻ.

- Nhiều trẻ không thích học theo nhóm, vì muốn chứng tỏ khả năng của mình với giáo viên hơn là với bạn.

- Trong nhóm có thể có 1 số trẻ tích cực, số khác ỷ lại vào các bạn trong nhóm.

- Việc phân nhóm khó khăn mất nhiều thời gian, khó có thể đánh giá trên kết quả thảo luận của nhóm. Vì vậy cô giáo cần kết hợp đánh giá của cô với đánh giá của trẻ.

d. Nội dung dạy trẻ hoạt động nhóm

- Dạy trẻ biết phát biểu ý kiến của mình: Trẻ phải tự nói lên suy nghĩ của mình trong khi làm việc nhóm, đồng thời đưa ra ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý khi giải quyết vấn đề đó.

- Dạy trẻ biết tôn trọng ý kiến của bạn: Hướng dẫn cho trẻ cách thức giải quyết vấn đề, không được bác bỏ ý kiến của bạn trong khi làm việc, phải thống nhất cả nhóm để có kết quả cuối cùng.

- Dạy trẻ phân chia công việc: Khi thực hiện làm việc nhóm, dạy trẻ cách phân công công việc cụ thể cho từng bạn, trẻ không có quyền giành việc của bạn nếu không được nhóm phân công.

- Dạy trẻ biết hợp tác với bạn: Trẻ nếu biết nhiều sẽ thường xảy ra trường hợp ôm việc và không muốn bạn cùng làm, dạy trẻ biết hợp tác cho bạn chơi và làm việc cùng để khuyến khích giao lưu cũng như giáo dục trẻ quan tâm đến người khác.

- Dạy trẻ cách diễn đạt ý tưởng của cả nhóm: Khi sản phẩm được thực hiện xong, cả nhóm phải nói lên ý tưởng sản phẩm của mình, điều này bắt buộc trẻ phải thống nhất các bạn trong nhóm đồng ý hoặc không đồng ý trước khi nói với tập thể

e. Yêu cầu thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động nhóm:

- Cần kết hợp phương pháp dạy học theo nhóm với các phương pháp đặc trưng chơi mà học, học mà chơi trên cơ sở nội dung bài học. Các phương pháp này phát huy tính tự giác, tích cực chủ động, sáng tạo của trẻ dưới sự tổ chức chỉ đạo của giáo viên.

- Giáo viên cần có sự nhiệt tình, có vốn sống để lựa chọn và kết hợp hài hoà các phương pháp nhằm đạt hiệu quả cao.

- Lớp học được chia làm 4-6 nhóm mỗi nhóm có khoảng 6-8 trẻ.

- Nhóm tự bầu ra 1 nhóm trưởng để điều khiển hoạt động của nhóm.

- Mỗi trẻ trong nhóm đều phải làm việc tích cực không được ỷ lại 1 vài bạn năng động, các bạn trong nhóm giúp đỡ lẫn nhau tìm hiểu vấn đề trong không khí thi đua với các nhóm khác. Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả chung của cả lớp.

- Đến khâu trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp, nhóm cử 1 đại diện hoặc nhóm trưởng phân công thành viên trình bày.

❖ Cách tổ chức: Có 3 bước

a) Làm việc chung của cả lớp.(theo sự gợi mở của giáo viên)

- Nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức.

- Thông báo thời gian làm việc.

- Hướng dẫn cách làm việc theo nhóm để việc thảo luận đạt hiệu quả, giáo viên cần xác định mục đích chỉ dẫn nhiệm vụ cần thực hiện, ấn định thời gian,

nghĩa là làm cho trẻ hiểu ý nghĩa một cách sơ đẳng nhất, mục đích việc sắp làm, nắm vững các bước thực hiện và biết trước thời gian cần thực hiện nhiệm vụ bao lâu.

b) Làm việc theo nhóm:

- Phân công trong nhóm.
- Trao đổi ý kiến, thảo luận trong nhóm.
- Cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm.
- Sau khi xác định nhiệm vụ cần thực hiện trẻ thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân, sau đó trao đổi ý kiến thảo luận trong nhóm để rút ra vấn đề chung cuối cùng đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình.

c) Thảo luận tổng kết trước lớp :

- Các nhóm báo cáo kết quả -Thảo luận chung .
- Giáo viên nhận xét, bổ sung tổng kết khi thời gian thảo luận kết thúc giáo viên tổ chức để đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác nêu nhận xét bổ sung.

Nếu kết quả thảo luận của các nhóm chưa thống nhất, giáo viên đưa vấn đề ra thảo luận chung cả lớp rồi mới đưa ra đáp án đúng, hoàn chỉnh kiến thức cho trẻ đồng thời đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm

4.3. Phương pháp dạy học khám phá

a. Khái niệm: Phương pháp dạy học khám phá là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức cho trẻ tìm tòi, phát hiện, khám phá tri thức, cách thức hành động mới nhằm phát huy năng lực giải quyết vấn đề của trẻ.

Phương pháp dạy học này chú ý đến từng cá nhân trẻ, coi trọng việc nâng cao năng lực bản thân mọi trẻ trên cơ sở khuyến khích trẻ hoạt động hợp tác theo nhóm, lớp để giải quyết vấn đề. Giáo viên giữ vai trò là trọng tài, cố vấn, điều khiển, hướng dẫn, tổ chức giúp trẻ tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới đồng thời là người nêu tình huống, kích thích hứng thú, suy nghĩ và phân tích các ý kiến đối lập của trẻ, từ đó hệ thống hoá các vấn đề, tổng kết và khắc sâu những tri thức cần nắm vững. Hay nói cách khác, trong dạy học khám phá, trẻ đóng vai trò là người phát hiện còn giáo viên đóng vai trò là chuyên gia tổ chức cho trẻ hoạt động.

b) Quy trình thực hiện:

- Lựa chọn nội dung vấn đề/tình huống (luôn đảm bảo tính vừa sức đối với trẻ).
- Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ (đồ chơi, đồ dùng trực quan...) và những điều kiện cần thiết để trẻ tự tìm tòi khám phá.
- Tổ chức cho trẻ làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm.
- Khuyến khích trẻ tự tìm tòi khám phá, đưa ra các phát hiện, cách giải quyết có thể.
- Liệt kê các cách giải quyết có thể có.
- Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết của cá nhân trẻ, của nhóm trẻ.
- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.
- Kết luận về nội dung của vấn đề, làm cơ sở cho trẻ tự kiểm tra, tự điều chỉnh.

- Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

4.4. Phương pháp đóng vai

a. Khái niệm

Đóng vai là phương pháp tổ chức cho trẻ thực hành “ Làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp giảng dạy nhằm giúp trẻ suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được. Việc “diễn” không phải là phần chính của phương pháp này và hơn thế điều quan trọng nhất là sự thảo luận sau phần diễn ấy.

Phương pháp đóng vai có nhiều ưu điểm như :

- Trẻ được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn.
- Gây hứng thú và chú ý cho trẻ.
- Tạo điều kiện làm phát triển óc sáng tạo của trẻ .
- Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của trẻ theo hướng tích cực.
- Có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

b. Cách tiến hành

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

- GV nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó có quy rõ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm.
- Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.
- Các nhóm lên đóng vai.
- Lớp thảo luận, nhận xét, thường thì thảo luận bắt đầu về cách ứng xử của các nhân vật cụ thể hoặc tình huống trong vở diễn, nhưng sẽ mở rộng phạm vi xem thảo luận những vấn đề khái quát hơn hay những vấn đề và vở diễn chứng minh.

- GV kết luận

c. Yêu cầu sư phạm

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục học để cùng chung sống, phù hợp với lứa tuổi, trình độ trẻ và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.
- Tình huống nên để mở, không cho trước “ Kịch bản” , lời thoại.
- Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai.
- Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong bài tập đóng vai để không lạc đề.
- Nên khích lệ cả những học sinh nhút nhát cùng tham gia.
- Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của trò chơi đóng vai.

4.5. Phương pháp đàm thoại

a. Khái niệm: Đàm thoại là phương pháp trong đó giáo viên đặt ra một hệ thống câu hỏi để trẻ trả lời, trao đổi với giáo viên và các bạn trong lớp. Qua đó, trẻ lĩnh hội được nội dung bài học. Đàm thoại không phải là một phương pháp dạy học mới, tuy nhiên, nếu sử dụng phù hợp sẽ tăng cường các hoạt động, phát huy được tính tích cực nhận thức của trẻ.

b) Ưu điểm phương pháp đàm thoại :

- Đàm thoại giúp giáo viên hiểu và gần gũi với trẻ hơn; thu được những thông tin từ phía trẻ nhanh, gọn hơn; trên cơ sở đó kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với trẻ.

- Đàm thoại tạo điều kiện để trẻ phát triển và củng cố khả năng giao tiếp, gây hứng thú học tập, hình thành tính độc lập, phát huy tính tích cực và tương tác của trẻ.

c) Các dạng đàm thoại: Thông thường có hai dạng đàm thoại chính:

- Đàm thoại tái hiện: các câu hỏi, vấn đề do giáo viên đặt ra đòi hỏi trẻ nhớ, tái hiện lại những hiểu biết, kinh nghiệm trẻ đã có. Loại này chủ yếu dùng để ôn tập, củng cố kiến thức.

- Đàm thoại gợi ý (hay còn gọi là đàm thoại tìm tòi, phát hiện): giáo viên luôn đóng vai trò chỉ đạo, điều khiển hoạt động của trẻ. Hệ thống các câu hỏi do giáo viên đưa ra giữ vai trò chỉ đạo, định hướng hoạt động nhận thức của trẻ. Đàm thoại gợi mở luôn được khuyến khích sử dụng để tạo sự hoạt động tích cực của trẻ.

d) Quy trình thực hiện:

- Xác định vấn đề, tình huống cần thảo luận.

- Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề /tình huống đặt ra.

- Thiết lập hệ thống câu hỏi từ dễ đến khó liên quan đến tình huống cần thảo luận.

- Tổ chức việc đàm thoại ở lớp.

đ) Một số lưu ý:

- Nên bắt đầu bằng những câu hỏi tái hiện kiến thức, sau đó tăng dần số câu hỏi có yêu cầu cao hơn về mặt nhận thức (có sự thông hiểu và sáng tạo trong vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi).

- Câu hỏi phải bám sát nội dung cơ bản về vấn đề cần thảo luận.

- Câu hỏi phải phù hợp với trình độ và khả năng của trẻ. Tránh nêu những câu hỏi khó quá, câu hỏi có tính chất “đánh đố”.

- Đàm thoại có thể tiến hành chung cả lớp hoặc theo nhóm.

- Khi nêu câu hỏi cho trẻ cần chú ý:

+ Đưa câu hỏi với một thái độ khuyến khích, giọng nói ôn tồn, nhẹ nhàng.

+ Thu hút sự chú ý của trẻ trước khi nêu câu hỏi.

+ Sau khi nêu câu hỏi, cần dành thời gian cho trẻ suy nghĩ.

+ Khuyến khích động viên những trẻ rụt rè, nhút nhát tham gia trả lời câu hỏi.

+ Khuyến khích trẻ đặt các câu hỏi liên quan đến vấn đề đang thảo luận.

4.6. Phương pháp giải quyết vấn đề (tình huống)

a. Khái niệm: Giải quyết vấn đề là xem xét, phân tích những vấn đề /tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống hằng ngày và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề /tình huống đó một cách có hiệu quả.

b) Quy trình thực hiện:

- Xác định, nhận dạng vấn đề /tình huống.
- Thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề /tình huống đặt ra.
- Liệt kê các cách giải quyết có thể có.
- Phân tích, đánh giá kết quả từng cách giải quyết (tích cực, hạn chế, cảm xúc).
- So sánh kết quả các cách giải quyết.
- Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.
- Thực hiện theo cách giải quyết đã lựa chọn.
- Rút kinh nghiệm cho việc giải quyết những vấn đề, tình huống khác.

c) Một số lưu ý:

- Các vấn đề /tình huống đưa ra để trẻ xử lý, giải quyết cần thoả mãn các yêu cầu sau:
 - + Phù hợp với chủ đề.
 - + Phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ.
 - + Vấn đề/tình huống phải đơn giản, gần gũi với cuộc sống thực của trẻ.
 - + Vấn đề/tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho trẻ nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- Tổ chức cho trẻ giải quyết, xử lý vấn đề /tình huống cần chú ý:
 - + Các nhóm khác nhau có thể giải quyết cùng một vấn đề/tình huống hoặc các vấn đề /tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
 - + Trẻ cần xác định rõ vấn đề trước khi đi vào giải quyết vấn đề.
 - + Cần sử dụng phương pháp động não để trẻ liệt kê các cách giải quyết có thể có.
 - + Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi trẻ có thể giống hoặc khác nhau.
 - + Những phương án được lựa chọn dựa trên nguyên tắc có lợi nhất: kết quả tốt nhất, thời gian thực hiện ngắn nhất.

4.7. Phương pháp trò chơi.

a) Khái niệm: Trong giáo dục mầm non, đây là phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp nhất. Phương pháp trò chơi là phương pháp tổ chức cho trẻ tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

b) Quy trình thực hiện:

- Giáo viên phổ biến tên trò chơi, nội dung và luật chơi.

- Cho trẻ chơi thú (nếu cần thiết).
- Trẻ tiến hành chơi.
- Đánh giá sau trò chơi.
- Thảo luận về ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

c) Một số lưu ý:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề, với đặc điểm và trình độ của trẻ, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải đảm bảo an toàn cho trẻ.
- Trẻ phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.
- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ được tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.
- Trò chơi phải tạo được hứng thú, sự vui thích cho trẻ.

Phần 3. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

I. Yêu cầu về nội dung, phương pháp

1. Yêu cầu về nội dung GDMN:

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

2. Yêu cầu về phương pháp GDMN:

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

II Mục tiêu giáo dục mầm non (chung)

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

III. Chương trình GD nhà trẻ:

1. Mục tiêu: Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ.

1.1. Mục tiêu phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

1.2 Mục tiêu phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1.3 Mục tiêu phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4 Mục tiêu phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

2. Phân phối thời gian

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3 Nội dung giáo dục:

3.1 Nội dung giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tổ chức vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

3.2. Nội dung giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

3.3. Nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mò sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

3.4. Nội dung giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mỗi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hoá và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

4. Tổ chức môi trường cho trẻ nhà trẻ hoạt động:

4.1 Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Trẻ 12 – 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 – 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

4.2 Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử

chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

IV. Chương trình giáo dục mẫu giáo :

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

1.1 Mục tiêu phát triển thể chất:

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

1.2. Mục tiêu phát triển nhận thức :

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

1.3. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

1.4. Mục tiêu phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

1.5. Mục tiêu phát triển thẩm mỹ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

2. Phân phối thời gian: Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nội dung giáo dục:

3.1. Nội dung giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chức trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

3.2. Nội dung giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

3.3. Nội dung giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

3.4. Nội dung giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

3.5. Nội dung giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

4. Tổ chức môi trường cho trẻ mẫu giáo hoạt động:

4.1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung¹, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

4.2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.



Phần 4: XÂY DỰNG TRƯỜNG MẦM NON LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM

I. Tiêu chí xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm

1. Môi trường giáo dục

- Đảm bảo an toàn về mặt tâm lý cho trẻ và trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của GV đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

- Môi trường vật chất trong lớp, ngoài lớp đáp ứng nhu cầu, hứng thú chơi của trẻ, tạo điều kiện cho tất cả các trẻ có thể chơi mà học, học bằng chơi, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Các khu vực trong nhà trường được quy hoạch theo hướng tận dụng các không gian để cho trẻ hoạt động phù hợp, linh hoạt, đa dạng, phong phú, các góc hoạt động trong lớp và ngoài lớp mang tính mở, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng tự lựa chọn và sử dụng sự vật, đồ vật, đồ chơi để thực hành, trải nghiệm.

- Khuyến khích trẻ có thể hoạt động theo nhiều cách khác nhau; tạo điều kiện, cơ hội cho trẻ hoạt động, trải nghiệm, khám phá dưới nhiều hình thức khác nhau, phát triển toàn diện.

- Tạo những điều kiện, cơ hội, tận dụng hoàn cảnh, tình huống thật cho trẻ hoạt động trải nghiệm, khám phá trong môi trường an toàn.

2. Xây dựng kế hoạch giáo dục

Kế hoạch GD thể hiện mục tiêu giáo dục, phạm vi và mức độ, nội dung giáo dục trẻ, các phương pháp, các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với trẻ, cụ thể:

- Thể hiện các mục tiêu cụ thể phản ánh được kết quả mong đợi đáp ứng với sự phát triển của trẻ theo giai đoạn, thời điểm phù hợp và theo Chương trình GDMN.

- Thể hiện nội dung GD theo Chương trình GDMN và có thể điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của vùng miền, địa phương, trường/lớp.

- Không nhấn mạnh vào việc cung cấp cho trẻ những kiến thức, kỹ năng đơn lẻ mà theo hướng tích hợp, coi trọng việc hình thành và phát triển các năng lực, kỹ năng sống cho trẻ.

- Thể hiện tính tích hợp, tạo sự gắn kết, tác động một cách thống nhất đồng bộ đến sự phát triển của trẻ.

- Khuyến khích trẻ tham gia hoạt động GD bằng vận động thân thể và các giác quan dưới nhiều hình thức khác nhau.

3. Tổ chức hoạt động giáo dục

- Phối hợp các phương pháp hợp lý, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo trẻ “học bằng chơi, chơi mà học”.

- Phương pháp hỗ trợ theo hướng mở rộng được quan tâm để khuyến khích trẻ sáng tạo, làm thay đổi và cá thể hóa đối với những trẻ thiếu hụt hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

- Chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi, tạo ra các cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và sự phát triển của từng cá nhân trẻ.

- Tạo cơ hội cho trẻ được bộc lộ hết khả năng của riêng mình.

- Giáo viên tổ chức, điều khiển, hỗ trợ đúng lúc, không làm thay trẻ. Khuyến khích tương tác giữa trẻ với trẻ.

4. Đánh giá sự phát triển của trẻ

- Đánh giá đúng khả năng của mỗi trẻ để có những tác động phù hợp và tôn trọng những gì trẻ có. Đánh giá kết quả GD trẻ phải được dựa trên cơ sở sự thay đổi của từng trẻ, không kỳ vọng giống nhau với tất cả trẻ.

- Đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ dựa trên mức độ đạt so với mục tiêu, trên cơ sở đó sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD), điều chỉnh KHGD và tổ chức các hoạt động giáo dục tiếp theo cho phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp (Không đánh giá so sánh giữa các trẻ).

- Tôn trọng sự khác biệt của mỗi đứa trẻ về cách thức và tốc độ học tập và phát triển riêng. Chú trọng và thúc đẩy tiềm năng của mỗi trẻ.

5. Sự phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ và cộng đồng trong giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

- Đa dạng các hình thức, hoạt động tuyên truyền tới cộng đồng, cha mẹ trẻ về vị trí, vai trò của GD mầm non và hướng dẫn chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- Có mối quan hệ hợp tác, chia sẻ giữa GV, nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tạo điều kiện để các bậc cha mẹ tham gia vào hoạt động của trường, lớp nhằm nâng cao chất lượng CS-GD trẻ. Kịp thời thông tin đến gia đình về những tiến bộ hoặc những khó khăn của trẻ. Có biện pháp khuyến khích sự chia sẻ của gia đình về đặc điểm tâm lý của trẻ để thống nhất các biện pháp thúc đẩy sự tiến bộ của trẻ.

- Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ dân tộc thiểu số và trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

II. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm:

1. Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm:

1.1. Khái niệm:

- Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt, thống nhất mọi hoạt động giáo dục trẻ trong trường mầm non để đảm bảo việc thực hiện Chương trình GDMN có hiệu quả, có chất lượng và tất cả trẻ được hưởng lợi từ chương trình này.

- Quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm được thể hiện trong tất cả các yếu tố của quá trình giáo dục. Từ việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục cho đến những hoạt động cụ thể của người giáo viên như lập kế hoạch, xây dựng môi trường giáo dục... **Mọi hoạt động đều hướng tới từng đứa trẻ cũng như từng nhóm trẻ nhỏ và nhóm trẻ lớn để tạo cơ hội cho trẻ được học tập trong điều kiện cụ thể nhằm hỗ trợ trẻ phát triển ở tất cả các lĩnh vực.**

1.2. Thế nào là giáo dục lấy trẻ làm trung tâm ?

a) Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm là:

- Dựa trên nhu cầu, hứng thú, khả năng và thể mạnh của từng trẻ - tin tưởng rằng mỗi trẻ đều có thể thành công và tiến bộ.

- Tạo cơ hội cho trẻ học bằng nhiều cách khác nhau gồm cả hoạt động vui chơi.

- Phản ánh được mức độ phát triển của từng cá nhân trẻ và xây dựng dựa trên những gì trẻ đã biết và có thể làm.

b) Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cần đảm bảo:

- Hứng thú, nhu cầu, khả năng, thể mạnh của mỗi trẻ đều được hiểu, đánh giá đúng và được tôn trọng.

- Mỗi trẻ đều có cơ hội tốt nhất có thể để thành công.

- Mỗi trẻ đều có các cơ hội để học bằng nhiều cách khác nhau, đặc biệt là thông qua vui chơi.

c) Để thực hiện được việc giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo viên cần:

- Dựa trên nhu cầu, hứng thú, khả năng và thể mạnh của từng trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng.

- Tin tưởng rằng mỗi trẻ đều có thể thành công và tiến bộ.

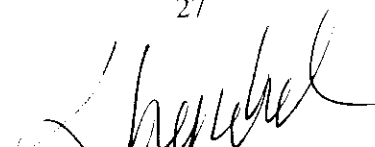
- Tạo cơ hội cho trẻ học bằng nhiều cách khác nhau gồm cả hoạt động vui chơi, vì vui chơi cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội để trẻ học tập như khám phá, sáng tạo, đóng vai, tưởng tượng và tương tác với bạn bè.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục trên cơ sở những gì trẻ đã biết và có thể làm; kế hoạch giáo dục phải phản ánh được mức độ phát triển của từng cá nhân trẻ.

2. Đặc điểm chính của giáo dục lấy trẻ làm trung tâm:

Trẻ nào cũng được:

- Hỗ trợ để tham gia hoạt động.



- Khuyến khích tạo ra sự lựa chọn.
- Khuyến khích để tự giải quyết vấn đề.
- Khuyến khích và hỗ trợ để hợp tác và làm việc cùng nhau.

Đối với giáo viên:

- Xác định được và thỏa mãn những hứng thú, hiểu biết, ý kiến và kỹ năng của trẻ nhằm mở rộng việc học cho từng trẻ.
- Cho trẻ thời gian để học phù hợp.
- Cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội khác nhau để học tập và diễn đạt những gì trẻ biết và hiểu.
- Trò chuyện với trẻ, lôi cuốn trẻ vào hoạt động và giao tiếp có ý nghĩa.
- Sử dụng các câu hỏi để tìm hiểu thông tin và giúp trẻ tăng cường khả năng diễn đạt, bộc lộ những gì trẻ biết và hiểu.
- Tương tác tích cực giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng.
- Không ngừng trau dồi tri thức, kinh nghiệm, tư duy linh hoạt và học vấn.

3. Vai trò, vị trí của giáo viên và trẻ:

3.1. Đối với giáo viên:

a) Vai trò: Khi trẻ tham gia các hoạt động, giáo viên cần di chuyển xung quanh các nhóm trẻ thật hợp lý để:

- Quan sát.
- Lắng nghe.
- Trò chuyện với trẻ.
- Đôi khi tham gia hoạt động cùng trẻ.
- Tôn trọng trẻ:

1.2 Vị trí: Để triển khai tốt quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, giáo viên cần chú ý đến vị trí của mình đối với trẻ trong mọi hoạt động giáo dục.

Khi tương tác với trẻ, vị trí của giáo viên ngang bằng với trẻ. Điều này bao gồm cả việc giáo viên ngồi trên sàn hoặc trên những đồ dung thấp hay quỳ xuống,...sao cho cho dễ dàng tạo ra sự giao tiếp bằng mắt với trẻ, tạo thuận lợi cho giáo viên khi tham gia hoạt động cùng trẻ.

3.2. Đối với trẻ em:

- Được tôn trọng: Lợi ích, nhu cầu, khả năng của mỗi trẻ đều được hiểu, quan tâm và đáp ứng:

- Tích cực hoạt động:

+ Trẻ có cơ hội tham gia vào các hoạt động giáo dục bằng nhiều cách.

+Trẻ được tham gia vào các hoạt động giáo dục khuyến khích sự khám phá, quan sát, bắt chước, sáng tạo, tưởng tượng,... đặc biệt là hoạt động chơi.

+Trẻ được học bằng nhiều cách khác nhau, bao gồm trải nghiệm, khám phá, quan sát, bắt chước, sáng tạo, tưởng tượng, thử nghiệm, thực hành, giao tiếp, chơi, giải quyết nhiệm vụ, học có hướng dẫn,... đặc biệt là học bằng chơi.

+Trẻ được tham gia vào các hoạt động với cả lớp, trong nhóm nhỏ và cá nhân.

+Trẻ được tự đề xướng hoạt động.

+Trẻ được tự lựa chọn các hoạt động.

+Trẻ được khuyến khích nói lên và chia sẻ ý tưởng của mình.

4. Giáo viên có thể phát triển tư duy và việc học cho trẻ bằng cách:

4.1. Khi trẻ học:

Giáo viên cần quán triệt phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” ở lứa tuổi mầm non. Để học bằng chơi đạt hiệu quả tốt nhất, trẻ cần có người lớn hỗ trợ, mở rộng những gì trẻ đang hứng thú và đang thực hiện, vì vậy giáo viên có thể hỗ trợ trẻ bằng cách:

- Đặt những câu hỏi mang tính tư duy.
- Lắng nghe trẻ.
- Trò chuyện và giao tiếp với trẻ.
- Chỉ dẫn.
- Đưa ra gợi ý.
- Khuyến khích, động viên trẻ.
- Chơi cùng trẻ.
- Cùng cố kiến thức và các kỹ năng khác.

Khi hỗ trợ và mở rộng việc học của trẻ, giáo viên cần thận trọng trong lời nói và hành động vì phần lớn sự tương tác mà giáo viên thực hiện với trẻ mang tính tình thế, xảy ra trong khi đáp lại những gì trẻ đang nói hoặc đang làm, chỉ có một số hoạt động/công việc đã lập kế hoạch trước.

4.2. Khi trẻ đang vui chơi: Giáo viên có thể phát triển tư duy và kỹ năng cho trẻ bằng cách:

- Khuyến khích trẻ thiết lập mối quan hệ với những gì trẻ đã biết và có thể làm hoặc với những kinh nghiệm có sự tương đồng.
- Sử dụng các từ ngữ để miêu tả những gì trẻ đang làm.
- Khuyến khích trẻ mở rộng và phát triển các trò chơi tưởng tượng.
- Sử dụng các tình huống có vấn đề và các thách thức nảy sinh trong quá trình chơi để khuyến khích trẻ thảo luận và tìm cách giải quyết.

- Tập trung vào sự tham gia của trẻ, nội dung cần đạt và kết quả mong đợi.

- Giúp đỡ trẻ.

- Đôi lúc cần duy trì hội thoại, thảo luận giữa giáo viên và trẻ, cả giáo viên và trẻ cùng đưa ra các ý kiến, lắng nghe lẫn nhau.

4.3. So sánh giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và giáo dục lấy giáo viên làm trung tâm

Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm	Giáo dục lấy giáo viên làm trung tâm
<p>Vị trí của trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được tôn trọng lợi ích, nhu cầu, khả năng cá nhân - Tích cực tham gia các hoạt động giáo dục bằng nhiều cách. - Được tự do lựa chọn nhiều hoạt động từ nhiều góc hoạt động khác nhau để học. - Thường xuyên được học theo cặp, nhóm nhỏ, một mình, hoặc cùng cả lớp. <p>Vai trò của giáo viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng trẻ: Xác định và đáp ứng lợi ích, nhu cầu, khả năng của từng trẻ. - Mở rộng việc học của mỗi trẻ bằng cách: cung cấp môi trường giáo dục thuận lợi, nhiều cách học khác nhau, tăng cường chơi mà học – học mà chơi, tương tác giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với người lớn. - Chú trọng phương pháp trải nghiệm, khám phá, bất chước, thử nghiệm, thực hành, sáng tạo,... - Tạo cơ hội cho trẻ tích cực hoạt động theo cá nhân, nhóm và cả lớp. - Hỗ trợ mỗi trẻ thành công so với chính bản thân trẻ 	<p>Vị trí của trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường phải ngồi một chỗ, thụ động nghe. - Ít có cơ hội lựa chọn hoạt động giáo dục khác nhau - Thường học theo một nhóm lớn, cả lớp.. <p>Vai trò của giáo viên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người quyết định, áp đặt trẻ sẽ làm gì, làm như thế nào và vào khi nào. - Cung cấp ít cách học khác nhau cho trẻ, ít sử dụng chơi, những tương tác giữa trẻ với trẻ, trẻ với người lớn. - Chú trọng phương pháp dùng lời và làm mẫu. - Chủ yếu hướng dẫn trẻ hoạt động theo cả lớp. - Tập trung chủ yếu vào kết quả cuối cùng đã xác định chung cho nhóm trẻ.

5. Chiến lược giúp trẻ phát triển kỹ năng và thành công trong học tập

- Giáo viên cần suy nghĩ cẩn trọng về quyết định thời điểm nào tham gia vào hoạt động của trẻ, thời điểm nào không nên làm phiền trẻ.

- Hãy kích thích trẻ thử nghiệm và khám phá thông qua các hoạt động trải nghiệm.

- Phối hợp hài hòa giữa nhu cầu của trẻ và điều trẻ cần- điều chỉnh nội dung cho phù hợp với mức độ phát triển và nhu cầu khác nhau của trẻ

- Linh hoạt trong cách sử dụng các phương pháp, hoạt động học tập.

- Sử dụng hội thoại và đặt câu hỏi để tìm thông tin và giúp trẻ thể hiện và phân loại những gì chúng biết và hiểu

- Sử dụng cách động viên, khuyến khích và khen trẻ phù hợp với tình huống và tính cách của trẻ.

- Đưa trẻ đến các góc hoạt động, hướng dẫn và khuyến khích trẻ thực hành, vui chơi, tìm tòi, khám phá.

- Cung cấp nhiều cơ hội để trẻ tham gia các hoạt động mang tính tương tượng và sáng tạo

- Quan sát, tương tác với trẻ.

- Dành thời gian cho trẻ chơi, suy nghĩ và giải quyết vấn đề, quan sát và đưa ra các ý kiến

- Tạo cơ hội cho trẻ được chơi một mình và chơi cùng các bạn khác

- Linh hoạt, điều chỉnh nội dung cho phù hợp với nhu cầu, trình độ phát triển của trẻ.

- Cung cấp cho trẻ địa điểm, thời gian hoạt động và đầy đủ phương tiện hoạt động. Cần tận dụng nguồn vật liệu có sẵn ở địa phương.

- Thiết kế bài học mang tính thiết thực, phù hợp với vốn kinh nghiệm của trẻ

- Tạo cơ hội cho trẻ học tập qua chơi tự do, chơi có sự hướng dẫn của giáo viên và qua các giờ học chung theo kế hoạch

- Tạo cơ hội cho trẻ được chơi một mình và chơi cùng các bạn khác.

6. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong Chương trình Giáo dục mầm non

6.1. Yêu cầu về phương pháp giáo dục mầm non

Đối với giáo dục mầm non, phương pháp giáo dục cần:

- Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”

- Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ.

- Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm trẻ với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp.

- Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm, và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu, hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

6.2. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong Chương trình Giáo dục mầm non

- Chương trình giáo dục mầm non giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành nền tảng của nhân cách.

- Chương trình giáo dục mầm non thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục toàn diện để đáp ứng các nhu cầu phát triển của trẻ.

- Các lĩnh vực, các nội dung quan trọng và cơ bản được mở, linh hoạt cho giáo viên lựa chọn nội dung phù hợp với trẻ, đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ. Cách tiếp cận này tập *trung vào các lợi ích, nhu cầu của từng trẻ và các nhóm nhỏ.*

- Chương trình giáo dục mầm non giáo dục trẻ theo độ tuổi, khả năng nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân và điều kiện thực tế.

- Các phương thức chủ yếu dựa trên các hoạt động giáo dục giúp trẻ trải nghiệm, tìm tòi khám phá bằng nhiều cách khác nhau để đáp ứng các nhu cầu, lợi ích của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Phần 6: GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

I. Giáo dục kỹ năng sống đối với sự phát triển nhân cách của trẻ mẫu giáo:

Giáo dục kỹ năng sống đối với sự phát triển nhân cách của trẻ mẫu giáo về thể chất, tình cảm – xã hội, giao tiếp, ngôn ngữ, nhận thức và sẵn sàng vào lớp 1, cụ thể:

1. Về thể chất: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ được an toàn, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, khéo léo, bền bỉ, tháo vát, thích ứng được với những điều kiện sống thay đổi.

2. Về tình cảm – xã hội: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ biết kiểm soát cảm xúc, giàu tình yêu thương và lòng biết ơn.

3. Về giao tiếp: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ mạnh dạn, tự tin, tự trọng và tôn trọng người khác, giao tiếp có hiệu quả.

4. Về ngôn ngữ: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ biết nói năng lịch sự, lắng nghe, hòa nhã và cởi mở.

5. Về nhận thức: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ ham hiểu biết, sáng tạo.

6. Về sẵn sàng vào lớp Một: Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ có những kỹ năng thích ứng với hoạt động học tập ở lớp Một như: sẵn sàng hòa nhập, đương đầu với khó khăn, có trách nhiệm với bản thân, với công việc với các mối quan hệ xã hội

II. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non:

Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo là những mong đợi của nhà giáo về các giá trị sống và kỹ năng sống tương ứng mà trẻ có thể đạt được.

Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống giúp cho giáo viên định hướng và tự lựa chọn các kỹ năng sống phù hợp với từng độ tuổi của trẻ mẫu giáo, với điều kiện kinh tế-văn hóa-xã hội của mọi địa phương.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo:

Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống được xác định dựa vào đặc điểm, mục tiêu chung/giá trị về giáo dục kỹ năng sống, mục tiêu giáo dục của lứa tuổi và điều kiện sống của địa phương.

1. Mục tiêu chung về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo: Hướng tới hình thành những giá trị về ý thức bản thân như an toàn, tự lực, tự tin, tự trọng và giao tiếp như hòa nhã, về giao tiếp quan hệ xã hội như yêu thương, biết ơn, tôn trọng; về thực hiện công việc như hợp tác, kiên trì, trách nhiệm; về ứng phó với thay đổi như vượt khó, sáng tạo, mạo hiểm, ham hiểu biết để sẵn sàng vào lớp 1.

2. Mục tiêu cụ thể về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo: bao gồm những kỹ năng, thái độ và kiến thức cụ thể, tương ứng với giá trị cần giáo dục, phù

hợp với từng độ tuổi của trẻ mẫu giáo với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của mọi địa phương.

3. Các bước để xác định mục tiêu cụ thể về giáo dục kỹ năng sống cho từng độ tuổi mẫu giáo:

Bước 1: Xác định mục tiêu chung về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo.

Bước 2: Tìm những mục tiêu cụ thể tương ứng với mục tiêu chung trong chương trình giáo dục mầm non của lứa tuổi mẫu giáo.

Bước 3: Bổ sung những kỹ năng sống theo đặc trưng văn hóa và điều kiện sống của địa phương vào từng mục tiêu cụ thể.

III. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo:

Nội dung giáo dục kỹ năng sống là những giá trị sống và kỹ năng sống tương ứng mà nhà giáo dục cần hình thành cho trẻ.

Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo gồm 5 nhóm. Đó là ý thức về bản thân, quan hệ xã hội, giao tiếp, thực hiện công việc, ứng phó với thay đổi.

1. Nhóm kỹ năng ý thức về bản thân: Bao gồm các giá trị như an toàn, gồm các kỹ năng về thực hiện các quy tắc an toàn thông thường, phòng chống các tai nạn thông thường; tự lực kiểm soát, gồm các kỹ năng về tự phục vụ, quản lý thời gian, kiểm soát cảm xúc; tự tin gồm các kỹ năng về nhận ra giá trị của bản thân, trình bày ý kiến, thể hiện khả năng; tự trọng gồm các kỹ năng về lịch sự ăn uống tử tế, không khua thìa bát, không để rơi vãi; mặc chỉnh chu, tươm tất, sạch sẽ; nói năng lễ phép, có thưa gửi, dạ vâng, nói lời cảm ơn, xin lỗi đúng lúc, đúng cách, ...

2. Nhóm kỹ năng quan hệ xã hội: Bao gồm các giá trị như: thân thiện, gồm các kỹ năng về kết bạn, hòa giải xung đột, giúp đỡ, nhường nhịn; yêu thương, gồm các kỹ năng về quan tâm, chia sẻ buồn, vui, khó khăn, thành công, thất bại,...; biết ơn gồm các kỹ năng về giữ gìn đồ vật, ghi nhớ sự đóng góp, đền ơn đáp nghĩa, tiết kiệm; tôn trọng gồm các kỹ năng về thực hiện các quy tắc xã hội, chấp nhận sự khác biệt, công bằng, kính trọng người lớn.

3. Nhóm kỹ năng giao tiếp: Bao gồm các giá trị như: hòa nhã gồm các kỹ năng về lắng nghe, trình bày ý kiến rõ ràng, bình tĩnh; cởi mở gồm các kỹ năng về khởi xướng, duy trì và kết thúc cuộc giao tiếp một cách vui vẻ; hiệu quả gồm các kỹ năng về đàm phán, thuyết phục, thương lượng.

4. Nhóm kỹ năng thực hiện công việc: Bao gồm các giá trị như hợp tác, gồm các kỹ năng về thỏa thuận mục đích, phân công vai trò, thực hiện đúng vai trò, giúp đỡ, tìm kiếm sự giúp đỡ; vượt khó gồm các kỹ năng về chấp nhận, từ chối thử thách, đối mặt với khó khăn, giải quyết vấn đề, chấp nhận, bỏ qua thất bại, hài lòng với thành công; kiên trì có trách nhiệm, gồm các kỹ năng về nhận nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ đến cùng.

5. Nhóm kĩ năng về ứng phó với thay đổi: Bao gồm các giá trị như: sáng tạo, gồm các kĩ năng về tạo ra cái mới, theo cách/ phương tiện mới; mạo hiểm, gồm các kĩ năng về chấp nhận thử thách, thích đưa ra thách thức và phương tiện mới; ham hiểu biết gồm các kĩ năng về thu nhận và chia sẻ thông tin, tò mò, hay hỏi.

IV. Phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mẫu giáo:

Nhóm phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mẫu giáo bao gồm: nhóm phương pháp trực quan, nhóm phương pháp dùng lời, nhóm phương pháp thực hành.

1. Nhóm phương pháp trực quan

Nhóm phương pháp trực quan bao gồm: các phương pháp làm mẫu, phương pháp làm cùng, phương pháp làm gương. Những phương pháp này giúp trẻ quan sát, bắt chước/tập thử, thực hành thường xuyên những kĩ năng sống cần hình thành.

2. Phương pháp làm mẫu:

2.1 Đặc điểm: người hướng dẫn làm hoàn chỉnh kĩ năng sống trước mắt trẻ có kèm theo lời miêu tả. Phương pháp này thường được sử dụng với những kĩ năng sống mà trẻ chưa biết.

2.2 Cách thực hiện: người hướng dẫn kĩ năng cần làm mẫu, gọi tên kĩ năng, vừa làm mẫu, vừa nói bằng lời, khuyến khích trẻ cùng làm theo.

2.3 Yêu cầu sư phạm: người hướng dẫn làm mẫu chậm rãi, rõ ràng, chỉ dẫn an cần để trẻ tri giác được trọn vẹn, chính xác kĩ năng sống cần hình thành, đồng thời giải thích cho trẻ hiểu tại sao phải làm như vậy.

3. Phương pháp cùng làm:

3.1 Đặc điểm: trẻ làm cùng với người hướng dẫn một kĩ năng sống đã biết, phải làm hằng ngày, nhưng chưa thành thạo.

3.2 Cách thực hiện: người hướng dẫn xác định kĩ năng sống cùng làm với trẻ, nói tên kĩ năng sống với trẻ, làm đến đâu chỉ dẫn đến đó cho trẻ làm theo. Làm cùng được thực hiện trong những thời điểm và tình huống thích hợp với kĩ năng sống cần hình thành. Ví dụ: cùng ăn bằng đũa để trẻ làm theo, cùng khiên ghế để trẻ tập kĩ năng hợp tác.

3.3 Yêu cầu sư phạm: Người hướng dẫn tạo bầu không khí thoải mái, vui vẻ, tin cậy khi làm cùng trẻ. Đồng thời cho trẻ đủ thời gian để hoàn thành. Tránh mắng mỏ, quát nạt, yêu cầu trẻ làm tốt ngay hoặc hỏi thúc trẻ hoàn thành công việc, chỉ chú ý vào kết quả công việc, sử dụng lời hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu với trẻ, trong khoảng 3 đến 5 phút. Không hướng dẫn quá dài.

4. Phương pháp làm gương:

4.1 Đặc điểm: người lớn thể hiện tích cực kĩ năng sống ở mọi lúc mọi nơi, ở tình huống tương ứng.

4.2 Cách thực hiện: người hướng dẫn thể hiện kỹ năng sống trong tình huống thích hợp để trẻ quan sát thấy, bắt chước được và làm theo.

4.3 Yêu cầu sư phạm: người hướng dẫn nêu gương những hành vi tích cực, thể hiện phẩm chất, nhân cách tốt đẹp của mình.

5. Nhóm phương pháp dùng lời

Nhóm phương pháp dùng lời bao gồm các phương pháp trò chuyện, giảng giải ngắn. Những phương pháp này giúp trẻ huy động tối đa những kinh nghiệm đã có, giải thích và khích lệ trẻ vui vẻ, hào hứng thực hiện kỹ năng sống.

6. Phương pháp trò chuyện

6.1 Đặc điểm: Người lớn hướng dẫn và trẻ cùng trò chuyện để huy động tối đa những kinh nghiệm về các kỹ năng sống của trẻ một cách nhanh nhất.

6.2 Cách thực hiện: Người hướng dẫn nên chọn truyện kể, đồng dao, ca dao, tục ngữ, tình huống sinh hoạt hằng ngày, hệ thống câu hỏi để trò chuyện với trẻ về kỹ năng sống: kể cho trẻ nghe, cho trẻ kể lại, hát cho trẻ nghe, cho trẻ hát theo ý thích, mong muốn của trẻ, trẻ nói lên mong muốn của mình.

6.3 Yêu cầu sư phạm: Người hướng dẫn nên chọn truyện kể, đồng dao, ca dao, tục ngữ phù hợp với đặc điểm của trẻ mẫu giáo, những tình huống sinh hoạt thường xảy ra hằng ngày, hệ thống câu hỏi đơn giản, dễ hiểu đối với trẻ, phù hợp với kỹ năng sống cần giáo dục.

7. Phương pháp giảng giải ngắn:

7.1 Đặc điểm: Phương pháp giảng giải ngắn được sử dụng để giải thích cho trẻ hiểu, thuyết phục trẻ thực hiện kỹ năng sống.

7.2 Cách thực hiện: Người hướng dẫn giảng giải về kỹ năng sống bằng lời kèm theo hành động mẫu, hành động mô phỏng, tranh ảnh.

7.3 Yêu cầu sư phạm: Người hướng dẫn dùng lời giảng giải ngắn gọn, đầy đủ, dễ hiểu với trẻ, mang tính vui vẻ, hài hước để lôi kéo niềm thích thú của trẻ, ân cần cởi mở để thuyết phục trẻ. Hành động mẫu, hành động mô phỏng nên rõ ràng, chuẩn mực. Tranh ảnh về kỹ năng sống cần được thể hiện một cách rõ ràng, đơn giản, tập trung vào kỹ năng sống đang hướng dẫn. Tránh thể hiện cầu kì, rườm rà, nhiều yếu tố gây nhiễu cho kỹ năng sống đang hướng dẫn trẻ.

8. Nhóm phương pháp thực hành

Nhóm phương pháp thực hành bao gồm các phương pháp trải nghiệm, trò chơi, giao việc. Những phương pháp này giúp trẻ bắt chước, tập thử, và tích cực thực hành thường xuyên các kỹ năng sống.

9. Phương pháp trải nghiệm:

9.1 Đặc điểm: Người hướng dẫn khuyến khích và giúp đỡ trẻ tập thử kỹ năng sống đang học.

9.2 Cách thực hiện: Người hướng dẫn tạo môi trường giáo dục hấp dẫn, thân thiện cho trẻ tập thử kỹ năng sống một cách hào hứng, bằng cách sắp xếp đồ

dùng vừa tầm, chắc chắn, đúng chỗ. Người hướng dẫn tạo cơ hội để trẻ được giao tiếp với nhiều người, được sử dụng đồ dùng để tập luyện kỹ năng sống hàng ngày.

9.3 Yêu cầu sư phạm: Người hướng dẫn không áp đặt mà tôn trọng trẻ như khuyến khích trẻ tự tập, thực hiện kỹ năng sống thường xuyên, bằng nhiều cách riêng. Người hướng dẫn làm "thang đỡ" cho trẻ, tỏ rõ mối đồng cảm, thương yêu trẻ; luôn quan sát, bao quát để sẵn sàng và tận tình giúp đỡ trẻ khi trẻ cần như giải thích những điều trẻ hỏi, đưa ra lời khuyên, lời đề nghị trong tình huống trẻ không tự giải quyết được; không lệnh, hối thúc, giận giữ, sỉ vả trẻ. Trong quá trình tập kuyeenj, thực hành kỹ năng sống, người hướng dẫn cần đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ.

10. Phương pháp trò chơi

10.1 Đặc điểm: Đây là phương pháp giáo dục kỹ năng sống đặc trưng cho trẻ mẫu giáo. Những trò chơi thường được sử dụng để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo là trò chơi dân gian, trò chơi vận động, trò chơi sắm vai, trò chơi xây dựng, trò chơi đóng kịch, trò chơi trí tuệ. Trẻ chơi các trò chơi để thực hành kỹ năng sống

10.2 Cách thực hiện: Người hướng dẫn xác định kỹ năng sống cần hướng dẫn trẻ, chọn trò chơi phù hợp với kỹ năng sống đó. Lúc đầu người hướng dẫn nên chơi cùng trẻ: Giới thiệu tên trò chơi, đóng một vai chơi, hành động theo vai. Nếu trò chơi có lời ca thì vừa chơi vừa đọc cho trẻ đọc theo. Những trò chơi thường được sử dụng để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo là trò chơi dân gian, trò chơi sắm vai, trò chơi vận động. Mỗi loại trò chơi có cách sử dụng đặc trưng, ví dụ:

* *Sử dụng trò chơi dân gian:* Mỗi một trò chơi dân gian thường giúp trẻ thực hành 1 - 3 kỹ năng sống, ví dụ: trò chơi *Chi chi chành chành* tập cho trẻ kỹ năng phát âm rõ ràng, thân thiện với bạn, phối hợp vận động tinh khéo; trò chơi *Dung dăng dung dè* tập cho trẻ kỹ năng phát âm rõ ràng, thân thiện, phối hợp vận động cơ bản, hợp tác với bạn bè; trò chơi *Trón tìm* tập cho trẻ kỹ năng phối hợp các vận động cơ bản, lắng nghe, quan sát,... Người hướng dẫn nên lựa chọn những trò chơi dân gian dành cho trẻ em, phổ biến của địa phương, phù hợp với những kỹ năng sống, mang tính giáo dục để chơi cùng trẻ hoặc hướng dẫn trẻ chơi cùng nhau. Người hướng dẫn nên nhắc nhở trẻ chơi đúng luật, không cần thắng thua. Người hướng dẫn nên chú trọng vào các kỹ năng sống cần giáo dục cho trẻ thông qua mỗi trò chơi.

* *Sử dụng trò chơi sắm vai:* Trò chơi sắm vai là trò chơi mô phỏng lại một chủ đề của cuộc sống. Trong đó, trẻ sắm vai người khác và hành động theo vai trong tình huống giả định. Trẻ sử dụng những kiến thức, thái độ, hành động phù hợp với các mối quan hệ với con người, đồ vật, đồ chơi trong tình huống đó.

Trò chơi sắm vai cung cấp một chiến lược tốt để trẻ *thể hiện, thử nghiệm, tích lũy, cảm nhận* những kỹ năng sống giống như kinh nghiệm thực trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn. Tình huống chơi gây hứng thú và chú ý cho trẻ. Nó giúp trẻ tích cực tham gia vào mọi quan hệ với người khác,

tác động vào thế giới đồ vật, đồ chơi để trải nghiệm kỹ năng sống một cách độc đáo theo cách của riêng từng đứa trẻ. Sự thử nghiệm trong trò chơi khích lệ trẻ thay đổi thái độ, hành vi theo hướng tích cực. Khi quan sát trẻ chơi trò chơi sắm vai, người hướng dẫn có thể thấy ngay mức độ tiếp nhận kỹ năng sống của trẻ để điều chỉnh cho phù hợp.

Cách sử dụng trò chơi sắm vai: Người hướng dẫn xác định kỹ năng sống muốn giáo dục trẻ; lựa chọn trò chơi, vai chơi, tình huống chơi phù hợp với kỹ năng sống cần giáo dục trẻ. Người hướng dẫn miêu tả tình huống chơi và giới thiệu vai chơi bằng lời ngắn gọn: Cô cháu mình cùng chơi bán hàng nhé? có một bác bán hàng, một người mua hàng, họ nói năng rất hoà nhã. Tiếp tục phân vai chơi: Người hướng dẫn cho trẻ tự nguyện nhận vai chơi bằng cách hỏi ý kiến trẻ: Con thích làm bác bán hàng hay người mua hàng nào? Người hướng dẫn đóng một vai trong trò chơi để cuốn hút và hướng dẫn trẻ chơi theo vai.

Người hướng dẫn nên tạo những tình huống chơi phong phú, có thể xảy ra trong cuộc sống thực để trẻ có cơ hội *thể hiện, thử nghiệm, tích lũy* kỹ năng sống theo nhiều cách. Đồng thời lựa chọn trò chơi, vai chơi, tình huống chơi phù hợp với kỹ năng sống, mang tính giáo dục, tránh sử dụng bạo lực. Người hướng dẫn cần cho trẻ sắm những vai gần gũi với cuộc sống gia đình: bố, mẹ, ông, bà, anh chị, em bé, người mua bán hàng, thợ mộc, người trồng cây, chăn nuôi gia súc,... theo các chủ đề: gia đình của tôi, trường mầm non, vườn cây ăn quả, cửa hàng bách hoá, bến xe, nhà ga, bệnh viện...

11. Phương pháp giao việc:

11.1 Đặc điểm: Người hướng dẫn dùng việc thật, công việc thường ngày, vừa sức với trẻ để luyện tập kỹ năng sống.

11.2 Cách thực hiện: Người hướng dẫn khuyến khích trẻ tự nhận một việc theo ý thích, chuẩn bị dụng cụ vừa tầm vóc trẻ, dễ dàng sử dụng.

Lúc đầu người hướng dẫn cùng làm với trẻ. Khi đã thạo việc thì để trẻ tự thực hiện.

11.3 Yêu cầu sự phạm: Người hướng dẫn chọn những việc vừa sức với trẻ, không lạm dụng để bắt trẻ lao động quá sức. Khuyến khích trẻ thực hiện hàng ngày, đều đặn vào những thời điểm nhất định trong chế độ sinh hoạt một ngày, ví dụ kỹ năng thu dọn bàn ghế sau khi học xong, kỹ năng dọn chăn gối sau khi ngủ dậy đối với trẻ 5 tuổi.

12. Những lưu ý khi sử dụng các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo:

Khi sử dụng các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo nên lưu ý một số điểm như sau:

Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo tiếp cận theo hướng cùng tham gia, lấy trẻ làm trung tâm, tích cực hoá hoạt động của trẻ, đặc trưng cho giáo dục mẫu giáo.

Mỗi một phương pháp giáo dục kỹ năng sống đều có những ưu điểm và

nhược điểm nhất định. Không có phương pháp nào là vạn năng. Vì vậy cần sử dụng phối hợp các phương pháp khi giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.

Việc phối hợp các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo cần đảm bảo cho trẻ được trải nghiệm, tương tác, tập luyện, thay đổi hành vi.

Trải nghiệm: Trẻ cần được thử, tập, thực hành các kỹ năng sống *bằng hoạt động của chính mình* (vận động, giao tiếp, vui chơi, ngôn ngữ, nhận thức,...) với một *nhân cách* trọn vẹn, đang hình thành và phát triển.

Tương tác: Để có được kỹ năng sống, trẻ cần được *giao tiếp* với những người gần gũi xung quanh (ông bà, bố, mẹ, anh chị em, bạn bè, họ hàng, láng giềng,...), hành động với đồ vật, đồ chơi, trong những hoạt động giáo dục, hình thức, tình huống sinh hoạt đa dạng của cuộc sống thực trong trường mầm non và gia đình.

Tập luyện: Giáo dục kỹ năng sống thực chất là một quá trình *tập luyện hàng ngày*, trong một *thời gian* nhất định.

Thay đổi hành vi: Giáo dục kỹ năng sống hướng tới làm *chuyển đổi hành vi* của trẻ theo hướng *tích cực*.

Khi tiến hành phương pháp giáo dục kỹ năng sống, người hướng dẫn cần đảm bảo an toàn cho trẻ cả về thể chất và tâm lí. Để an toàn về thể chất, người hướng dẫn cần dẹp bỏ những vật nguy hiểm với trẻ như: đồ điện, đồ nóng, đồ dễ vỡ, đồ sắc nhọn, hồ sâu, bể nước; đảm bảo không gian hoạt động của trẻ rộng, mát, thoáng, sạch. Để an toàn về tâm lí, *người hướng dẫn* không nên sử dụng những phương pháp phản sư phạm như: ôm ấp, nuông chiều, che chở trẻ quá mức; ngược đãi trẻ như dọa dẫm, đánh đập, mắng mỏ, quát tháo, sỉ nhục, hắt hủi, bỏ rơi, xử phạt; bắt ép trẻ làm theo ý mình như: ép ăn, ép học; đánh cãi nhau, văng tục trước mặt trẻ... Nên khuyến khích cả những người đàn ông trong gia đình như: ông, bố, anh em trai, chú, cậu... tham gia giáo dục kỹ năng sống cho trẻ./.

Phần 7. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM

- Năm vững kiến thức tâm lý học lứa tuổi trẻ mầm non, giáo dục học mầm non và giao tiếp sư phạm

- Để xử lý tình huống sư phạm tốt đặc biệt cần năm vững:

I. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm.

- Tính mô phạm trong giao tiếp.

- Tôn trọng đối tượng giao tiếp.

- Có thiện chí trong giao tiếp

- Đồng cảm trong giao tiếp

II. Kỹ năng giao tiếp sư phạm

1. Nhóm kỹ năng định hướng giao tiếp.

Nhóm kỹ năng này được biểu hiện ở khả năng dựa vào sự biểu lộ bên ngoài như sắc thái biểu cảm ngữ điệu, thanh điệu của lời nói, nội dung của cử chỉ, điệu bộ, động tác... mà phán đoán chính xác những trạng thái tâm lý bên trong của chủ thể và đối tượng giao tiếp. nhóm kỹ năng này bao gồm:

1.1 Kỹ năng phán đoán dựa trên nét mặt, hành vi, cử chỉ, lời nói

Nhờ tri giác nhạy bén tinh tế các trạng thái tâm lý qua nét mặt, hành vi, cử chỉ, ngữ điệu, âm điệu lời nói mà chủ thể giao tiếp phát hiện chính xác và đầy đủ thái độ của đối tượng.

- Xúc động giọng nói hỗn hển, lời nói ngắt quãng.

- Khi vui vẻ, tiếng nói trong trẻo, nhịp nói nhanh.

- Khi buồn, giọng nói trầm, nhịp chậm.

- Khi ra lệnh, giọng cương quyết, sắc gọn.

- Khi sợ hãi, mặt tái nhợt, hành động gò bó.

- Khi xấu hổ mặt đỏ, hành động bối rối.

- Khi tức giận mặt đỏ, tay nắm chặt.

1.2 Kỹ năng chuyển từ sự tri giác bên ngoài vào nhận biết bản chất bên trong của nhân cách.

Sự biểu lộ trạng thái tâm lý của con người thông qua ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ, điệu bộ rất phức tạp. Cùng một trạng thái tâm lý đôi khi biểu lộ ra bên ngoài bằng những hành vi, cử chỉ, điệu bộ rất khác nhau. Ngược lại cùng một hành vi, cử chỉ, điệu bộ nhưng lại là sự biểu hiện của nhiều tâm trạng khác nhau.

1.3 Kỹ năng định hướng trước khi tiếp xúc và định hướng trong khi tiếp xúc với học sinh.

+ Định hướng trước khi giao tiếp (phác thảo chân dung đối tượng giao tiếp) là thói quen cần thiết trước khi tiếp xúc với bất kỳ đối tượng giao tiếp nào.

- Khi tiếp xúc với bất kỳ em học sinh nào, giáo viên cũng cần có những thông tin cần thiết về học sinh đó: Tên, học lớp nào, tình hình học tập, đạo đức, em có nhu cầu hay vấn đề gì, bố mẹ em làm gì, sinh sống bằng cách nào, hoàn cảnh gia đình ra

sao...Đối với tập thể học sinh hay phụ huynh học sinh cũng cần có các thông tin như vậy.

- Việc phác thảo chân dung tâm lý càng đúng thì việc giao tiếp càng đạt kết quả. Nó giúp cho giáo viên có những phương án ứng xử phù hợp.

+ Định hướng trong quá trình giao tiếp biểu hiện ra bên ngoài bằng phản ứng, hành vi, cử chỉ, cách nói năng sao cho phù hợp với những thay đổi liên tục về thái độ, hành vi, cử chỉ, nội dung ngôn ngữ mà học sinh phản ứng trong quá trình giao tiếp.

Kỹ năng định hướng giao tiếp rất quan trọng, nó quyết định hành vi và thái độ của giáo viên khi tiếp xúc với học sinh. Khi tiếp xúc với học sinh, giáo viên phải biết được mình sẽ nói gì với học sinh, và phải đoán trước được học sinh sẽ trả lời mình như thế nào thì việc giao tiếp mới đạt kết quả tốt được.

2. Nhóm kỹ năng định vị

Kỹ năng định vị thể hiện:

- Khả năng xây dựng mô hình nhân cách học sinh gần với hiện thực, tương đối ổn định và giáo viên có hành vi ứng xử phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng, đặc điểm tâm lý của học sinh.

- Khả năng biết xác định vị trí trong giao tiếp, biết đặt vị trí của mình vào vị trí của đối tượng để có thể thông cảm, chia sẻ tâm tư, tình cảm; biết tạo ra điều kiện để giải tỏa rào cản tâm lý, giúp đối tượng chủ động và thoải mái giao tiếp với mình (đồng cảm).

- Khả năng xác định đúng không gian và thời gian giao tiếp. Biết chọn địa điểm, thời gian bắt đầu, điểm dừng, tiếp tục, kết thúc quá trình giao tiếp có ý nghĩa quan trọng tới kết quả giao tiếp.

3. Nhóm kỹ năng điều chỉnh, điều khiển quá trình giao tiếp.

Nhóm kỹ năng này thể hiện khả năng làm chủ nhận thức, thái độ, hành vi, phản ứng của mình; biết đọc những vận động trên nét mặt, điệu bộ, cử chỉ, dáng đi, cử động toàn thân, tư thế của học sinh; biết “nhìn thấy” và “nghe thấy” các loại ngôn ngữ biểu cảm, ngôn ngữ nói của học sinh để xác định đúng nội dung và nhu cầu của các em.

Nhóm kỹ năng này bao gồm các kỹ năng sau:

+ Kỹ năng quan sát bằng mắt: Khả năng phát hiện bằng mắt những thay đổi về cử chỉ, điệu bộ, màu sắc trên nét mặt, đặc biệt là vận động của đôi mắt và các cơ mặt cũng như tư thế toàn thân đối tượng giao tiếp để nhận thấy sự thay đổi của cá nhân đối tượng giao tiếp.

+ Kỹ năng nghe: Biết tập trung chú ý, biết hướng hoạt động của giác quan và ý thức của chủ thể giao tiếp vào việc lắng nghe đối tượng giao tiếp nói gì, để có đủ thông tin.

+ Kỹ năng xử lý thông tin.

+ Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển:

- Biết điều chỉnh, điều khiển bản thân: là có cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nụ cười phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, nội dung, nhiệm vụ, mục đích giao tiếp.

- Điều khiển đối tượng giao tiếp là hiểu được những đặc điểm tâm lý, hoàn cảnh sống, nhu cầu, ước muốn của đối tượng giao tiếp tại thời điểm giao tiếp, đồng thời biết sử dụng các phương tiện giao tiếp hợp lý để khích lệ, động viên, răn đe... họ theo mục đích giáo dục.

4. Nhóm kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp.

* Phương tiện ngôn ngữ:

+ Ngôn ngữ độc thoại: giáo viên phải có kỹ năng làm chủ ngôn ngữ, thể hiện qua:

- Cách diễn đạt.
- Ngữ điệu.
- Giọng nói.
- Cách dùng từ.
- Sự nắm vững nội dung bài giảng một cách sâu sắc.
- Biết cách thu hút sự chú ý, tình cảm, hoạt động trí tuệ của học sinh.

+ Ngôn ngữ đối thoại:

- Nội dung của lời nói tác động vào ý thức.
- Ngữ điệu của lời nói tác động mạnh vào tình cảm của con người.

Vì vậy cùng ý và nghĩa như nhau, người thầy có kinh nghiệm bao giờ cũng biết lựa chọn cách diễn đạt cho phù hợp với từng học sinh, từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

+ Ngôn ngữ viết:

* Kỹ năng sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nụ cười, ánh mắt...

III. Quy trình xử lý tình huống sư phạm

- Xác định vấn đề
- Thu thập thông tin
- Nêu các giả thiết
- Lựa chọn giải pháp
- Đánh giá kết quả

27/6/2019

Handwritten signature